

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và số lượng hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Quyết định số 3226-QĐ/BTCTW, ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Đắk Lắk năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2061-QĐ/TU, ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về giao biên chế khối chính quyền địa phương năm 2025;

Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về quyết định giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và số lượng hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập, năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-HĐND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ban Pháp chế - HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và số lượng hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025, như sau:

1. Tổng số biên chế công chức là **2.880** biên chế, cụ thể:

a) Biên chế giao các Sở ngành cấp tỉnh: **1.362** biên chế.

b) Biên chế giao đội công tác phát động quần chúng tỉnh: **16** biên chế.

c) Biên chế giao UBND các huyện, thị xã, thành phố: **1.414** biên chế.

d) Biên chế đội công tác phát động quần chúng cấp huyện: **82** biên chế.

đ) Biên chế dự phòng: **06** biên chế.

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

2. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh là **36.593** người, cụ thể:

a) Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: **30.458** biên chế;

b) Sự nghiệp y tế: **4.356** biên chế;

c) Sự nghiệp khác: **1.779** biên chế.

3. Biên chế hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: **137** biên chế.

4. Tổng số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh năm học 2024-2025 là: **1.297** người.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này, quyết định giao chi tiết số lượng người làm việc tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập theo thẩm quyền và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười Bảy thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

PHỤ LỤC
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 12/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Số TT	Đối tượng phân bổ	Tổng biên chế công chức giao năm 2025	Trong đó		Ghi chú
			Công chức	Đội công tác PĐQC	
1	2	3	4	5	6
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC (A+B)		2.880	2.782	98	
A	Biên chế giao (I + II):	2.874	2.776	98	
I	Các Sở, ban, ngành:	1.378	1.362	16	
1	Sở Xây dựng	119	119	0	
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	453	453	0	
3	Sở Tài chính	120	120	0	
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	62	62	0	
5	Sở Tư pháp	41	41	0	
6	Sở Công Thương	42	42	0	Chưa bao gồm biên chế của Bộ Công Thương chuyển về
7	Sở Khoa học và Công nghệ	59	59	0	
8	Sở Y tế	83	83	0	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	59	59	0	
10	Sở Nội vụ	89	89	0	
11	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	41	41	0	
12	Văn phòng UBND tỉnh	93	93	0	
13	Thanh tra tỉnh	43	43	0	
14	Sở Dân tộc - Tôn giáo	35	35	0	
15	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	18	18	0	
16	VP Ban An toàn giao thông tỉnh	5	5	0	
17	Đội Công tác PĐQC tỉnh	16	0	16	
II	UBND các huyện, TX, TP	1.496	1.414	82	
1	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	129	124	5	
2	UBND thị xã Buôn Hồ	96	92	4	
3	UBND huyện Buôn Đôn	95	90	5	
4	UBND huyện Cư M'gar	105	96	9	

5	UBND huyện Ea H'leo	104	94	10	
6	UBND huyện Ea Kar	103	98	5	
7	UBND huyện Ea Súp	94	89	5	
8	UBND huyện Krông Ana	96	91	5	
9	UBND huyện Krông Bông	95	91	4	
10	UBND huyện Krông Buk	96	91	5	
11	UBND huyện Krông Năng	96	91	5	
12	UBND huyện Krông Pắc	105	98	7	
13	UBND huyện Lắk	92	87	5	
14	UBND huyện M'Drắk	94	90	4	
15	UBND huyện Cư Kuin	96	92	4	
B	<i>Biên chế dự phòng</i>	6	6		